

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/HS-PT
Ngày: 18/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán: ông Lê Phước Thanh
 ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Trịnh Hoàng Q về tội “*Giết người*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HSST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Hoàng Q, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 7 năm 1998 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 38/13 (nay là 64/14) Nguyễn Thái H, tổ C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ xăm; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn C và bà Huỳnh Thị Quỳnh S; có vợ Lê Thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 02/11/2021 bị Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 13/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Hoàng Q: Ông Trần Văn T1 -Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai; có mặt và ông Trần Đình T2 -Luật sư thuộc Đoàn luật sư H1; có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Đức T3, sinh năm 1997, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Nguyễn Văn T4, (tên gọi khác: T4 rỗng), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1996 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 54/27/66/4 S, tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm và xử phạt 07 năm tù về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015. Đã thi hành án. Có mặt.

+ Phan Tấn C1, (tên gọi khác: B), sinh ngày 13 tháng 11 năm 1990 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: 54/27/66/2 S, tổ B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm và xử phạt 06 năm tù về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015. Đã thi hành án. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2021, Nguyễn Văn T4 thuê xe mô tô cho anh Trần Đức T3 nhưng anh Trần Đức T3 còn nợ tiền T4 chưa trả và T3 đã nhiều lần gọi điện cho anh Trần Đức T3 đòi tiền nhưng anh Trần Đức T3 không trả nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó T3 có nói nội dung sự việc trên cho Phan Tấn C1 biết và nhờ C1 gọi điện hỏi Trịnh Hoàng Q có biết anh Trần Đức T3 ở đâu thì nói cho C1 biết để C1 nói cho T3. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/10/2021, Trịnh Hoàng Q gọi điện báo cho Phan Tấn C1 biết là nhìn thấy anh Trần Đức T3 đang ăn mì quảng tại quán Bà L H, tổ E, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì C1 đã đến nhà T3 báo cho T3 biết nội dung trên. Sau đó T3 rủ C1 đi đánh anh Trần Đức T3, C1 đã đồng ý sử dụng xe mô tô BKS: 81B1-749.33, nhãn hiệu SIRIUS chở T3 đi. Khi đi T3 cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao tự chế dài 84,5cm (trong đó tuýp sắt dài 47,5cm, dao dài 37cm). Trên đường đi T3, C1 gặp Q đang đi xe mô tô một mình (Q không nhớ biển số) tại ngã ba S giao nhau với đường H, thì Q quay xe lại đi cùng với T3 và C1. Khi đi trên đường H đến đoạn đối diện quán mì quảng Bà L, T3 đã nhờ Q đi lấy 01 tuýp sắt cho T3 mượn để T3 đánh anh Trần Đức T3 thì Q đồng ý. Sau đó Trần Đức T3 và C1 đến bên hông quán Bà L đứng đợi Q. Trịnh Hoàng Q đi đến tiệm C2 (Q không nhớ tên) trên đường B, thành phố P lấy 01 tuýp sắt dài khoảng hơn 40cm rồi quay lại đưa cho Nguyễn Văn T4. Cùng lúc này anh Trần Đức T3 đi từ trong quán mì quảng Bà L đi ra thì Nguyễn Văn T4 dùng tay phải cầm 01 tuýp sắt trên đầu có gắn dao tự chế dài 84,5cm chạy đến đâm 01 nhát trúng vào nách trái và dùng tay phải và tay trái cầm tuýp sắt dài khoảng hơn 40cm đánh liên tiếp một

phát vào đầu và một phát vào tay phải của anh Trần Đức T3 làm anh T3 bị thương tích tại vùng đầu, cánh tay trái và hõm nách trái. Anh Trần Đức T3 bỏ chạy vào trong quán mì quảng Bà L và đi ra cửa phía sau quán, sau đó đi đến Trung tâm y tế thành phố P khám và khâu vết thương rồi đi về nhà. Nguyễn Văn T4 tiếp tục dùng tuýp sắt gắn dao tự chế đập phá xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 81P7 – 4687 của anh Trần Đức T3 rồi đi ra chỗ Phan Tấn C1 đang đứng chờ tại bên hông quán Bà L để C1 chở về nhà. Q đi về phòng trọ tại đường Đ, phường I, thành phố P. Ngày 26/10/2021, anh Trần Đức T3 đến Công an phường H, thành phố P trình báo vụ việc.

Ngày 22/12/2021, Trần Đức T3 có đơn bãi nại và không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 08/6/2022, Nguyễn Văn T4 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với Phan Tấn C1 và Trịnh Hoàng Q.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 279/21/TgT ngày 11/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai, kết luận đối với Trần Đức T3:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Một sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu kích thước (2,5x1)cm, sẹo liền, bờ mép không đều, nhám nhỏ.
- Một sẹo vết thương phần mềm mặt sau ngoài 1/3 trên cánh tay trái kích thước (1,5x0,7)cm, sẹo liền, một đường thẳng, bờ mép sẹo rõ đều, màu hồng nhạt.
- Một sẹo vết thương phần mềm vùng hõm nách sau bên trái kích thước (1,5x0,3)cm, sẹo liền, bờ rõ, màu hồng nhạt.
- Một sẹo vết thương phần mềm vùng hõm nách dọc theo bờ trong sau cánh tay trái kích thước (1,5x0,3)cm, sẹo liền, bờ rõ, màu hồng nhạt.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 04% (Bốn phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT-BYT.

3. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành vết thương: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực.
- Vật gây thương tích:
 - + Vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu: Phù hợp với sự tác động của vật tày.
 - + Vết thương phần mềm: Mặt sau ngoài 1/3 trên cánh tay trái và hai vết thương vùng hõm nách trái là các thương tích phù hợp với sự tác động của vật sắc có cạnh bén.

Tại Kết luận giám định số 276/KL-KTHS ngày 04/5/2022 và 266/KL-KTHS ngày 05/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh kết luận:

Trên ống tuýp kim loại và 01 con dao: *“không phát hiện có máu” “phát hiện dấu vết đường vân mờ nhòe, chồng lấn lên nhau, ít đặc điểm, không đủ yếu tố giám định”*.

* Vật chứng của vụ án:

- Ngày 21/10/2021, Công an phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã lập Biên bản tạm giữ một tuýp sắt dài 47,5cm, đường kính tuýp sắt là 2,3cm, bên trong rỗng; một con dao tự chế dài 37cm, cán dao dài 11,5cm, được quấn bằng băng keo màu đen và băng keo màu trắng, đuôi cán dao hình lục giác, phần lưỡi dao dài 25,5cm, mũi dao sắc nhọn, lưỡi dao có hình dạng uốn lượn, sống dao có hình dạng răng cưa và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 81P7-4687 tại quán Bà L, địa chỉ: B H, tổ E, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 81P7-4687: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định trả lại xe mô tô trên cho chủ sở hữu chị Trần Thị Thu T5 là chị gái của anh Trần Đức T3.

- Đối với 01 tuýp sắt mà Nguyễn Văn T4 sử dụng đánh anh Trần Đức T3 vào tối ngày 21/10/2021 tại trước cửa quán Bà L: Bị can Nguyễn Văn T4 khai sau khi đâm và đánh anh Trần Đức T3, bị can đã mang tuýp sắt về, trên đường về bị can đã vút trên vỉa hè đường S, thành phố P. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với xe mô tô BKS: 81B1-749.33, Phan Tấn C1 sử dụng chở Nguyễn Văn T4 đi đánh anh Trần Đức T3, Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là của anh Phan Khắc N (là em trai của C1), ngày 21/10/2021, anh N có giao xe cho C1 mượn, anh N không biết C1 sử dụng để chở Nguyễn Văn T4 đi đâm và đánh anh Trần Đức T3. Do đó Cơ quan điều tra không tạm giữ phương tiện để xử lý trong vụ án.

Tại Bản án số 02/2023/HSST ngày 06/01/2023 Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã Quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T4, Phan Tấn C1 và Trịnh Hoàng Q phạm tội *“Giết người”*.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng Q 7 (B1) năm tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Gồm: Bản án số 38/2022/HSST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku mức án 18 (mười tám) tháng tù cộng với mức án 7 (bảy) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Trịnh Hoàng Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **8 (T6) năm 6 (S1) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt các bị cáo khác; trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/01/2022 bị cáo Trịnh Hoàng Q kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trịnh Hoàng Q kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trong đơn đã nêu, đề nghị xem xét bị cáo không có hành vi phạm tội. Luật sư Trần Đình T2 bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: án sơ thẩm chưa làm rõ vai trò của bị cáo Q nhưng quy kết bị cáo Q có vai trò đồng phạm với các bị cáo khác về tội “Giết người” là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi nghe bị cáo T4 nhờ tìm lấy cây tuýp sắt, thì bị cáo Q không có ý thức được là bị cáo T4 nhờ lấy sắt để đánh bị hại. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay luật sư có cung cấp 01 hình ảnh và 02 USB ghi âm, ghi hình cho rằng cấp sơ thẩm chưa giám định. Do vậy luật sư yêu cầu huỷ án sơ thẩm để trả hồ sơ điều tra làm rõ các chứng cứ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm: kháng cáo của bị cáo Trịnh Hoàng Quý là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; bị cáo kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ. Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra là đầy đủ, toàn diện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng Q 7 (B1) năm tù về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới, chứng cứ luật sư nêu ra là không liên quan. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Hoàng Q thừa nhận toàn bộ hành vi như án sơ thẩm đã nêu; nhưng cho rằng hành vi đó không cấu thành tội

phạm; vì bị cáo Q không có ý thức được rằng bị cáo tìm cây tuýp sắt để cho bị cáo T4 đánh bị hại. Xét thấy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các bị cáo khác tại cơ quan điều tra và các chứng cứ đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh kết luận: khoảng đầu tháng 10/2021, vì anh Trần Đức T3 không trả tiền thế chấp xe cho Nguyễn Văn T4, nên Văn T4 nói cho Phan Tấn C1 biết và nhờ C1 hỏi Trịnh Hoàng Q có biết anh Trần Đức T3 ở đâu. Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/10/2021, Trịnh Hoàng Q báo cho Phan Tấn C1 biết là thấy anh Trần Đức T3 đang ăn mì quảng, nên C1 báo cho Văn T4 biết. Sau đó Văn T4 rủ C1 đi đánh anh Trần Đức T3, C1 sử dụng xe mô tô BKS: 81B1-749.33, nhãn hiệu SIRIUS chở Văn T4 đi. Văn T4 cầm theo 01 tuýp sắt gắn dao tự chế dài 84,5cm (trong đó tuýp sắt dài 47,5cm, dao dài 37cm). Trên đường Đ, C1 gặp Q đang đi xe mô tô một mình (Q không nhớ biển số), thì Q quay xe lại đi cùng với Văn T4 và C1. Khi đi trên đường H, Văn T4 đã nhờ Q đi lấy 01 tuýp sắt cho Văn T4 mượn để Văn T4 đánh anh Trần Đức T3 thì Q đồng ý. Sau đó Văn T4 và C1 đến bên hông quán Bà L đứng đợi Q. Trịnh Hoàng Q đi đến tiệm C2 (Q không nhớ tên) trên đường B, thành phố P lấy 01 tuýp sắt dài khoảng hơn 40cm rồi quay lại đưa cho Nguyễn Văn T4. Cùng lúc này anh Trần Đức T3 đi từ trong quán mì quảng Bà L đi ra thì Nguyễn Văn T4 cầm 01 tuýp sắt trên đầu có gắn dao tự chế dài 84,5cm chạy đến đâm 01 nhát trúng vào nách trái và dùng tay phải và tay trái cầm tuýp sắt dài khoảng hơn 40cm đánh liên tiếp một phát vào đầu và một phát vào tay phải của anh Trần Đức T3 làm anh T3 bị thương tích tại vùng đầu, cánh tay trái và hõm nách trái. Nguyễn Văn T4 tiếp tục dùng tuýp sắt gắn dao tự chế đập phá xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 81P7 – 4687 của anh Trần Đức T3. Còn Q thì đi về phòng trọ tại đường Đ, phường I, thành phố P.

[2] Với hành vi và hậu quả như trên; Toà án cấp sơ thẩm xem xét vai trò của từng bị cáo, trong đó bị cáo Q có vai trò thấp nhất là người giúp sức; tuy nhiên bị cáo Q có nhân thân không tốt, nên xử phạt bị cáo Phan Tấn C1 6 năm tù; bị cáo Nguyễn Văn T4 7 năm tù và Trịnh Hoàng Q 7 năm tù về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trịnh Hoàng Q:

[3.1] Đối với kháng cáo cho rằng bị cáo Q đi tìm cây tuýp sắt cho bị cáo T4, nhưng không biết là bị cáo Văn T4 dùng để đánh bị hại Đức T3; HĐXX thấy rằng: quá trình tố tụng bị cáo Q đều thừa nhận là có cung cấp thông tin bị hại Đức T3 cho các bị cáo biết; có tìm và mang cây tuýp sắt giao cho bị cáo Văn T4; nhưng bị cáo Q cho rằng không biết bị cáo Văn T4 dùng cây tuýp sắt để đánh bị hại Đức T3. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo Q không phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, không phù hợp với lời khai của các bị cáo Văn T4 và

Tấn C1 cũng như lời khai của bị hại Đức T3 và cũng không phù hợp với chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Bởi lẽ: bị cáo Văn T4, Tấn C1 đều khai rõ do C1 nhờ nên Q gọi điện chỉ cho C1 việc bị hại Đức T3 đang ở quán Mì quảng Bà L. Q cũng là người đưa Đức T3 và C1 đến quán Mì quảng Bà L, lúc này Văn T4 đang cầm cây sắt gắn dao tự chế dài 84,5cm (ống kim loại dài 47,5cm gắn dao dài 37cm) và Văn T4 nhờ Q về lấy cho Văn T4 cây tuýp sắt để đánh Đức T3. Thời điểm này buộc Q phải biết vì Q là người chỉ điểm Đức T3 cho Văn T4 trong lúc trên tay Văn T4 đang cầm hung khí nguy hiểm và tiếp tục nhờ Q tìm thêm hung khí nguy hiểm khác. Sau đó bị cáo Q chạy đi lấy cây tuýp sắt và quay lại bên hông quán Mì quảng Bà L có Văn T4 và C1 đang đứng đợi đưa tuýp sắt cho Văn T4, ngay lúc đó bị hại T4 bước ra khỏi quán nên bị cáo T4 cầm hai hung khí đâm và đánh Đức T3, anh T3 bỏ chạy thì bị cáo T3 đập xe mô tô của anh T3 rồi lên xe C1 chở, còn Q chạy theo sau đi về.

[3.1] Đối với ý kiến của luật sư đề nghị huỷ án sơ thẩm vì có chứng cứ mới cần làm sáng tỏ; HĐXX thấy rằng: tại phiên toà hôm nay luật sư bào chữa cho bị cáo Q cung cấp 01 tấm hình và 02 USB ghi âm, ghi hình và nêu nội dung trong các file cung cấp; tuy nhiên những nội dung này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Q; nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên đây, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo Q là đồng phạm với vai trò giúp sức, từ đó áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng Q 7 năm tù là đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới làm thay đổi bản chất vụ án; do vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bào chữa; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bị cáo Trịnh Hoàng Q phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Hoàng Q, giữ nguyên Bản án số 02/2023/HSST ngày 06/01/2023 Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng Q 7 (B1) năm tù về tội “*Giết người*”.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 BLHS; tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: Bản án số 38/2022/HSST ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku mức án 18 (mười tám) tháng tù cộng với mức án 7 (bảy) năm tù của bản án này. Buộc bị cáo Trịnh Hoàng Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **8 (T6) năm 6 (S1) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2021.

2/ Án phí phúc thẩm: bị cáo Trịnh Hoàng Q phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/7/2023).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường